

Bản án số: 798/2024/HS-PT
Ngày: 06 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 409/2024/TLPT-HS ngày 15 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Đào Văn G do có kháng cáo của bị cáo, kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 147/2024/HS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Đào Văn G; Giới tính: Nam; Sinh năm 1982 tại tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký thường trú: Xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở: 119/31, Tổ 39, KP3, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần G1; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Đào Văn H và con bà Vũ Thị L; Hoàn cảnh gia đình: Theo Lý lịch bị can thể hiện Đào Văn G có vợ và 04 người con (con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2020), theo Trích lục tiền án, tiền sự và D bản thể hiện của Đào Văn G không có vợ; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/6/2022 (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu: Luật sư Trần Minh H1 – Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt);

- Bị hại: Công ty Cổ phần Đ1;

Trụ sở: A N, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số A N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền cho Công ty Cổ phần Đ1: Bà Trần Thị Kiều H2 (có mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng & Đầu tư A1 (tên cũ là Công ty Trách nhiệm hữu hạn G2); Trụ sở: Số F L, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2/Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển C; Trụ sở: Số H T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Bị cáo Đào Văn G (có mặt).

3/Ông Trần Tiến S, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Trú tại: Số B N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: B21.04 chung cư H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/Công ty Cổ phần Bất động sản G3, Trụ sở: 27 Đường B, phường L, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

5/Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản A1, Trụ sở: Số H đường T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

(Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1/Về các pháp nhân liên quan trong vụ án:

1.1/Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Xây dựng Vạn Hưng Phát

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Xây dựng Vạn Hưng Phát thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4102048140 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H cấp lần đầu ngày 13/3/2007; Trụ sở tại 3 T, Phường A, Quận H, TP .; Vốn điều lệ 50.000.000.000 đồng, thay đổi lần thứ 5 ngày 23/9/2015 về thành viên góp vốn và tỷ lệ góp vốn: ông Nguyễn Văn M làm Tổng Giám đốc, người đại diện pháp luật tỷ lệ góp vốn 50%; ông Trần Văn B làm Chủ tịch hội đồng quản trị tỷ lệ góp vốn 50% (viết tắt là Công ty V).

Công ty V là Chủ đầu tư của Dự án khu Chung cư Vạn Hưng P (viết tắt là Dự án), địa chỉ tại C B, Phường E, Quận H, TP . theo các Quyết định số

3527/QĐ-UBND ngày 23/7/2009 của U và Quyết định số 37/QĐ-SXD-PTN ngày 16/4/2009 của Sở X, với quy mô dự án 01 Block có 334 căn, diện tích từ 46,7m² đến 230m². Sau khi Dự án được phê duyệt, Công ty V đã thi công xong phần móng và đã ký Hợp đồng bán 113 căn hộ cho các khách hàng thu được 90.000.000.000 đồng nhưng đến năm 2015, do khó khăn về tài chính nên Công ty V ngưng thi công Dự án. Tính đến tháng 9/2015, Công ty V còn nợ tổng cộng 312.000.000.000 đồng (*gồm 90.000.000.000 đồng đã thu của khách hàng; 62.000.000.000 đồng tiền gốc và 84.000.000.000 đồng tiền lãi vay A2; 15.000.000.000 đồng vay Ngân hàng V1; 29.000.000.000 đồng nợ thuế chuyển mục đích sử dụng đất và 4.000.000.000 thuế GTGT bán căn hộ; 28.000.000.000 đồng nợ các đơn vị thi công*). Do các chủ nợ khởi kiện Công ty V ra Tòa án nhân dân Quận 8 và Chi cục Thi hành án Quận 8 đã có Quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, thay đổi hiện trạng tài sản của Công ty V, mục đích để đảm bảo việc trả nợ cho các đơn vị, cá nhân nêu trên.

1.2/Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hưng An Đ.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn H4, thành lập và hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315119954 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H cấp lần đầu ngày 19/6/2018, vốn điều lệ 100.000.000.000 đồng do bà Nguyễn Ngọc H3 là chủ sở hữu và đại diện theo pháp luật (viết tắt là Công ty H4).

1.3/Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng & Đầu tư A1 (tên cũ là Công ty Trách nhiệm hữu hạn G2 M&A).

Công ty Trách nhiệm hữu hạn G2 M&A được thành lập và hoạt động kinh doanh, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315929123 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H cấp lần đầu ngày 27/9/2019; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 23/6/2020 có 04 thành viên góp vốn: Bùi Minh T, Phạm Việt A, mỗi người góp 45%; Đỗ Thành L1 và Phạm Xuân T1 mỗi người góp 05%, đổi tên là Công ty Trách nhiệm hữu hạn A1 (viết tắt là Công ty A1). Đến ngày 08/12/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 3 chỉ còn 03 thành viên góp vốn gồm: Đỗ Thành L1 góp 40%, Bùi Minh T góp 20% và Phạm Việt A góp 40%, người đại diện theo pháp luật là Phạm Việt A – Chủ tịch hội đồng thành viên và Đỗ Thành L1 – Giám đốc công ty.

1.4/Công ty Cổ phần GDLand.

Công ty Cổ phần G1 thành lập và hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311595977 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H cấp lần đầu ngày 03/3/2012; thay đổi lần thứ 4 ngày 06/5/2020, người đại diện theo pháp luật là Đào Văn G (viết tắt là Công ty G1).

1.5/Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển C.

Công ty Cổ phần Đ2 thành lập ngày 18/9/2019, vốn điều lệ

100.000.000.000 đồng, do 03 cổ đông góp vốn, trong đó Đào Văn G góp 80.000.000.000 đồng chiếm 80% cổ phần; Đào Văn T2 là người đại diện theo pháp luật, góp 10.000.000.000 đồng chiếm 10% cổ phần và Nguyễn Quang D1 góp 10.000.000.000 đồng chiếm 10% cổ phần (viết tắt là Công ty Đ2).

1.6/Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thiên Minh

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thiên Minh thành lập ngày 10/6/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 10/12/2018, người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Vũ Thiên D2 - Tổng giám đốc, vốn điều lệ 136.800.000.000 đồng (viết tắt là Công ty Đ1).

2/Về việc bán cổ phần Công ty V và phân phối Dự án khu chung cư Vạn Hưng P (tên thương mại: Royal Park R, địa chỉ C đường B, Phường E, Quận H).

2.1/Tháng 8/2018, ông Trần Văn B và ông Nguyễn Văn M thống nhất bán 80% cổ phần Công ty V (gồm 50% cổ phần của ông M và 30% của ông B) cho Công ty H4 giá 280.000.000.000 đồng. Việc mua bán được thực hiện bằng hình thức cho vay nhận chuyển đổi cổ phần, cụ thể: ngày 21/8/2018, Công ty V và Công ty H4 ký “Hợp đồng vay chuyển đổi” với nội dung chính: “... Công ty H4 sẽ cho Công ty V vay 280 tỷ đồng để thanh toán các khoản nợ của Công ty V và Công ty H4 sẽ được sở hữu 80% cổ phần Công ty V; 20% cổ phần còn lại do ông Trần Văn B sở hữu...”. Sau đó, Công ty H4 đã chi tổng cộng khoảng 304.000.000.000 đồng để trả nợ thay cho Công ty V, nhưng do một số khoản nợ chưa thống nhất giải quyết nên chưa sang tên được cổ phần. Vì vậy, tháng 12/2018, Công ty H4 thông báo chấm dứt hợp đồng vay chuyển đổi và gửi Đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Công ty V trả nợ.

2.2/Vào tháng 4/2019, trong quá trình chào bán dự án để trả nợ, ông B và ông M gặp Đào Văn G, Tổng Giám đốc Công ty G1. G đặt vấn đề mua 80% cổ phần Công ty V với giá 400.000.000.000 đồng. Do Công ty V đang nợ Công ty H4 và một số chủ nợ khác, nên ông B, ông M ký với Đào Văn G “Biên bản thỏa thuận” số 01 ngày 26/4/2019, trong đó có những nội dung chính: Công ty G1 sẽ nhận chuyển nhượng 80% cổ phần Công ty V với giá 400 tỷ đồng (gồm 50% cổ phần của ông M giá 250 tỷ đồng; 30% của ông B với giá 150 tỷ đồng); số tiền này dùng để trả nợ cho Công ty H4 và các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính khác của Công ty V; việc mua bán cổ phần sẽ được cụ thể bằng hợp đồng chuyển nhượng giữa các bên và ngay sau khi ký hợp đồng, Công ty G1 phải chuyển cho ông M, ông B 50 tỷ đồng; ông M, ông B phải ủy quyền cho Công ty G1 được toàn quyền xử lý các công nợ của Công ty V nhưng không quá 400 tỷ đồng;....

2.3/Tháng 12/2019, Đào Văn G gặp Phạm Việt A, cổ đông của Công ty Trách nhiệm hữu hạn A1 (tên cũ là Công ty Trách nhiệm hữu hạn G2 M&A). G giới thiệu mình là Tổng Giám đốc và đang sở hữu 80% cổ phần Công ty V và

được toàn quyền quyết định đối với Dự án chung cư V. G mời Phạm Việt A về làm việc cho G để phát triển Dự án và ký Quyết định bổ nhiệm Phạm Việt A làm Phó Tổng Giám đốc Công ty V. Thông qua Phạm Việt A, Đào Văn G biết Công ty A1 có chức năng môi giới bất động sản nên G đến gặp Đỗ Thành L1, Giám đốc Công ty A1 và ông Bùi Minh T, cổ đông góp vốn Công ty A1. G cũng giới thiệu là Tổng Giám đốc, chủ sở hữu Công ty V và cung cấp cho Công ty A1 hồ sơ, tài liệu đã ký kết với ông Trần Văn B và ông Nguyễn Văn M, gồm: *Biên bản thỏa thuận ngày 26/4/2019; Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 20/5/2019; Giấy ủy quyền số 01 ngày 26/4/2019; Quyết định bổ nhiệm G làm Tổng Giám đốc; các tài liệu về chuyển nhượng cổ phần do ông M ký;....* và đề nghị Công ty A1 hợp tác để phân phối, phát triển dự án.

2.4/Ngày 13/01/2020, Đỗ Thành L1, Giám đốc Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) ký “Hợp đồng độc quyền môi giới bất động sản” số 01 với Đào Văn G, Tổng Giám đốc đại diện Công ty V về việc Công ty V giao cho Công ty A1 được độc quyền môi giới, phân phối các căn hộ thuộc Dự án Chung cư V, trong hợp đồng không quy định Công ty A1 phải thực hiện ký quỹ nhưng Đào Văn G vẫn yêu cầu ký quỹ 10 tỷ đồng. Do Công ty A1 chưa huy động được tiền để ký quỹ và không đủ khả năng để phân phối căn hộ nên ông L1 cùng các cổ đông Công ty A1 thống nhất tìm đối tác để nhượng lại quyền phân phối dự án.

2.5/Đầu tháng 02/2020, Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) được Công ty Đ1 liên hệ đặt vấn đề hợp tác. Sau đó, đại diện Công ty Trách nhiệm hữu hạn A1 là Đỗ Thành L1, Tổng Giám đốc; ông Bùi Minh T, Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Phạm Việt A với tư cách Phó Tổng Giám đốc Công ty V gặp và làm việc với đại diện Công ty Đ1: bà Nguyễn Vũ Thiên D2, Giám đốc; ông Nguyễn Hữu T3; ông Nguyễn Ngọc Â. Theo đó, Công ty Đ1 đồng ý nhận chuyển nhượng quyền độc quyền phân phối Dự án từ Công ty A1.

2.6/Ngày 19/2/2020, tại trụ sở Công ty Đ1, Nguyễn Vũ Thiên D2 đại diện Công ty Đ1 và Đỗ Thành L1 đại diện Công ty A1 ký “Hợp đồng chuyển nhượng quyền phân phối độc quyền dự án chung cư V” số 02, với những nội dung chính của hợp đồng: *Dự án do Công ty V làm chủ đầu tư có 334 căn hộ, đã thi công xong phần móng, thời điểm nghiệm thu phần móng, đóng nắp hầm dự kiến 30/3/2020; Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) là đơn vị độc quyền môi giới các sản phẩm Dự án Chung cư V theo Hợp đồng độc quyền môi giới bất động sản số 01 ngày 13/01/2019 được Công ty A1 ký với Công ty V. Công ty TNHH A1 sẽ nhượng lại quyền phân phối Dự án cho Công ty Đ1 và Công ty Đ1 phải đặt cọc 10 tỷ đồng, hết thời hạn bán hàng, Công ty A1 sẽ hoàn trả 10 tỷ đồng tiền cọc cho Công ty Đ1. Trước ngày 20/4/2020, Công ty Trách nhiệm hữu hạn A1 có trách nhiệm cung cấp văn bản của Sở Xây dựng xác nhận đủ điều kiện được bán căn hộ của Dự án”.*

Tại buổi lễ ký kết hợp đồng này Đào Văn G tham dự chứng kiến với tư cách Tổng Giám đốc Công ty V. Đồng thời, Công ty A1 cung cấp cho Công ty Đ1 bản photocopy “Hợp đồng độc quyền môi giới bất động sản” số 01 ngày

13/01/2020 do Đào Văn G ký với chức danh Tổng Giám đốc Công ty V và đóng dấu Công ty V, nội dung Công ty V giao quyền độc quyền phân phối Dự án chung cư Vạn Hưng P cho Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2).

Thực hiện hợp đồng, ngày 19/2/2020, Công ty Đ1 chuyển khoản 10.000.000.000 đồng vào tài khoản số 356356888888 của Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) mở tại Ngân hàng A3 Chi nhánh P1. Ngày 20/02/2020, theo yêu cầu của Đào Văn G, Công ty Trách nhiệm hữu hạn A1 đã chuyển khoản 8.000.000.000 đồng sang tài khoản số 060233956999 tại S1 của Công ty Cổ phần Đ2. Số tiền 2.000.000.000 đồng còn lại Đào Văn G đồng ý cho Công ty A1 giữ lại.

Kết quả xác minh và làm rõ việc Đào Văn G sử dụng số tiền 8.000.000.000 đồng từ Công ty A1 chuyển. Căn cứ theo sao kê tài khoản số 060233956999 của Công ty Đ2 đã xác định theo yêu cầu của Đào Văn G, Đào Văn T2 rút tiền mặt tổng cộng 5.500.000.000 đồng; chuyển khoản 1.000.000.000 đồng cho ông Trần Tiến S, chuyển 1.000.000.000 đồng cho Công ty Â2 và chuyển 500.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần B1.

2.7/Sau ngày 20/4/2020, Đào Văn G và Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) không thực hiện đúng cam kết việc mở bán dự án như quy định tại Hợp đồng số 02 ngày 19/02/2020 nêu trên, nên Đào Văn G cùng với ông Đỗ Thành L1, Phạm Việt A ký “Biên bản cuộc họp” ngày 10/9/2020 với Công ty Đ1 cam kết sẽ hoàn trả cho Công ty Đ1 tổng cộng 12.240.000.000 đồng gồm: 10.000.000.000 đồng tiền ký quỹ và 2.240.000.000 đồng tiền chi phí phát sinh (lãi, tổ chức sự kiện, chi phí pháp lý) nhưng không hoàn trả.

2.8/Bên cạnh “Hợp đồng độc quyền môi giới bất động sản” số 01 ngày 13/01/2020 giữa Công ty V do Đào Văn G đại diện với Công ty Trách nhiệm hữu hạn A1 (tên cũ là Công ty G2) do ông Đỗ Thành L1 ký vẫn còn tồn tại một hợp đồng “Hợp đồng độc quyền môi giới bất động sản” số 01 ngày 19/02/2020 giữa Công ty G1 do Đào Văn G đại diện với Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) do ông Đỗ Thành L1 ký. Hợp đồng giữa Công ty G1 với Công ty A1 lại thay thế Công ty V thành Công ty G1 và có quy định thêm tiền ký quỹ 10.000.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, ông Đỗ Thành L1 và Đào Văn G khai: Hợp đồng số 01 ngày 13/01/2020 được L1, G huỷ bỏ và thay thế bằng “Hợp đồng độc quyền môi giới bất động sản” số 01 ngày 19/02/2020 giữa Công ty G1 do Đào Văn G đại diện với Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) do ông Đỗ Thành L1 ký. Tuy vậy, tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo G lại cho rằng: “Hợp đồng độc quyền môi giới bất động sản” số 01 ngày 19/02/2020 được ký theo yêu cầu của Phạm Việt A và để hợp thức hóa cho việc chuyển tiền ký quỹ.

Tại Cơ quan Điều tra, Đào Văn G và những người liên quan khai nhận như sau:

- *Đào Văn G khai:* Các Công ty G1 và Công ty Đ2 đều do G làm chủ, điều hành. Theo đó Công ty Đ2 có chức năng mua bán bất động sản và phân phối sản phẩm cho các dự án; Công ty G1 thực hiện đầu tư, hợp tác các dự án.

Liên quan đến Dự án của Công ty V, G biết việc Chi Cục Thi hành án Quận 8 đang ngăn chặn việc chuyển nhượng tài sản của Công ty V do đang nợ Công ty H4 và các đơn vị, cá nhân khác; thừa nhận việc ký các Hợp đồng độc quyền phân phối Dự án nhưng cho rằng mình đủ thẩm quyền ký; thừa nhận việc yêu cầu Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) phải ký quỹ 10.000.000.000 đồng. Đối với 10.000.000.000 đồng nhận từ Công ty Đ1, G khai cho Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) mượn 2.000.000.000 đồng, 8.000.000.000 đồng còn lại chuyển về Công ty G1, G đã chỉ đạo Đào Văn T2 rút, chuyển khoản trả nợ một số người; số tiền mặt T2 đưa cho G được G sử dụng chi phí cho Công ty V nhưng không nói rõ chi vào việc gì và không cung cấp chứng từ chứng minh. G cũng thừa nhận đến nay chưa thanh toán được bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty V.

Đối với Hợp đồng số 01 ngày 13/01/2020, có lúc G thừa nhận việc mình ký hợp đồng này nhưng sau đó đã thanh lý vì tình hình tài chính của Công ty V còn khó khăn, có lúc khai Hợp đồng số 01 ngày 13/01/2020 được L1, G huỷ bỏ và thay thế bằng Hợp đồng số 01 ngày 19/02/2020, trong hợp đồng này thay đổi Công ty V bằng Công ty G1 và có quy định về việc ký quỹ 10.000.000.000 đồng cho đúng thủ tục, có lúc khai không biết và không ký hợp đồng này.

- *Đào Văn T2 khai:* T2 là cháu ruột của Đào Văn G, được G nhờ đứng tên thành viên góp vốn và làm Giám đốc Công ty Đ2, thực tế T2 không bỏ tiền góp vốn, không hưởng lợi nhuận của Công ty, G là người điều hành công ty. Liên quan đến số tiền 8.000.000.000 đồng do Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) chuyển đến T2 không biết số là tiền gì và theo chỉ đạo của G, T2 chuyển khoản 1.000.000.000 đồng cho ông Trần Tiến S, chuyển 1.000.000.000 đồng cho Công ty A2 và chuyển 500.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần B1, còn lại T2 nhiều lần rút tiền mặt đưa lại cho G.

- *Đỗ Thành L1 - Tổng Giám đốc Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) khai:* Khi chuyển nhượng quyền phân phối căn hộ thì L1 và Phạm Việt A có xin ý kiến của Đào Văn G và được G đồng ý. Khi ký Hợp đồng chuyển nhượng với Công ty Đ1, G cũng tham gia và chứng kiến. Đồng thời, ngay trong ngày ký hợp đồng, Công ty Đ1 chuyển 10.000.000.000 đồng tiền ký quỹ thì Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) đã chuyển 8.000.000.000 đồng cho Đào Văn G, còn lại 2.000.000.000 đồng được sử dụng cho hoạt động của Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2). L1 cam kết sẽ cùng với Đào Văn G hoàn trả tiền lại cho Công ty Đ1, nhưng do G chưa có tiền nên đến nay chưa trả.

- *Phạm Việt A - thành viên góp vốn Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) khai:* Trước khi ký hợp đồng, Đào Văn G giới thiệu G là chủ sở hữu Công ty V và dự án Chung Cư V đồng thời G có cho xem các tài liệu, hồ sơ dự án của

chung cư nên tin tưởng ký Hợp đồng độc quyền môi giới sản phẩm. Để thực hiện Hợp đồng thì G yêu cầu Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) phải ký quỹ 10.000.000.000 đồng. Do công ty không đủ năng lực nên chuyển nhượng lại cho Công ty Đ1. Trước khi chuyển nhượng có báo và được G đồng ý việc chuyển nhượng quyền phân phối độc quyền dự án. Do dự án có liên quan đến Công ty V nên các bên đã tổ chức 03 lần họp và có Đào Văn G tham dự; Số tiền 10.000.000.000 đồng nhận của Công ty Đ1 đã chuyển 8.000.000.000 đồng cho G, còn lại 2.000.000.000 đồng chưa chuyển là do G đồng ý cho Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) mượn nên đến nay vẫn chưa chuyển cho G.

- *Bùi Minh T- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) khai:* T có tham gia các buổi họp giữa Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) và Công ty Đ1 để đàm phán về việc chuyển nhượng quyền phân phối độc quyền dự án Chung cư V cho Công ty Đ1, nhưng ông T không trực tiếp ký kết hợp đồng. Do tin tưởng Đào Văn G đã mua cổ phần của Công ty V nên Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) mới đồng ý ký hợp đồng với Đào Văn G và ký hợp đồng nhượng lại cho Công ty Đ1. Trước khi chuyển nhượng cho Công ty Đ1 có xin ý kiến G và được G đồng ý.

- *Phạm Duy L2, Phó Giám đốc Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) khai:* L2 không biết và không tham gia việc trao đổi, thỏa thuận giữa Đào Văn G với Phạm Việt A, Bùi Minh T, Đỗ Thành L1 về dự án V. L1 chỉ được thông báo Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) được phân phối độc quyền căn hộ của Dự án Vạn Hưng P và được phân công nhiệm vụ tuyển nhân viên, tìm đối tác để cùng hợp tác phân phối căn hộ. Quá trình tìm kiếm đối tác, L1 được ông T3, nhân viên Công ty Đ1 gọi điện liên hệ đặt vấn đề hợp tác và L1 đã thông báo lại cho ông Thành L1, ông T, ông Việt A biết. L1 chỉ tham gia một buổi làm việc giữa Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) và Công ty Đ1 bàn về các điều khoản của hợp đồng chuyển nhượng quyền phân phối, ngoài ra, L1 không tham dự buổi làm việc nào khác với Công ty Đ1.

- *Bà Nguyễn Vũ Thiên D2 – Tổng giám đốc Công ty Đ1 khai:* Bà D2 trực tiếp tham gia các cuộc họp với các bên trước và khi ký hợp đồng. Trong các buổi họp Phạm Việt A đều nói việc chuyển nhượng phải thông qua ý kiến của Đào Văn G vì G là chủ dự án Chung cư V. Đồng thời, G luôn khẳng định có đầy đủ cơ sở pháp lý để ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền phân phối độc quyền với Công ty Đ1. Phạm Việt A còn cho D2 biết Đào Văn G là Tổng giám đốc Công ty V, đồng thời Tổng giám đốc Công ty G1 nên đảm bảo việc thi công dự án sẽ đúng tiến độ. Ngày 19/02/2020, các bên tham gia ký kết có Đào Văn G tham gia với tư cách là Tổng giám đốc Công ty V – chủ đầu tư chứng kiến việc ký kết của 02 bên. Diễm có gặp riêng Đào Văn G và trao đổi các thông tin được G xác nhận việc G tham gia chứng kiến để khẳng định sự thật và tiềm lực của chủ đầu tư. D2 có hỏi tại sao trên Giấy đăng ký kinh doanh thì ghi tên ông B, ông M mà không ghi tên Đào Văn G thì ông G nói các thủ tục sang tên cho G đang thực hiện. Do tin tưởng các thông tin Việt A, G đưa ra là thật nên bà D2

mới ký hợp đồng và chuyển khoản 10.000.000.000 đồng; Bà D2 nộp cho Cơ quan điều tra các tài liệu, liên quan đến việc ký hợp đồng, chuyển tiền và hình ảnh Đào Văn G tham gia lễ ký Hợp đồng;

- Ông Nguyễn Ngọc Á, ông Nguyễn Hữu T3 đều khai nhận như trên và khai: Lý do Công ty Đ1 không trực tiếp ký kết với Đào Văn G – Tổng giám đốc Công ty V2 phát mà phải thông qua Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) do Phạm Việt A nói trước đó đã được Công ty V chuyển nhượng cho Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) và đã ký quỹ 10.000.000.000 đồng. Công ty Đ1 muốn độc quyền phân phối dự án thì phải ký kết và cọc tiền lại với C1;

- Ông Nguyễn Văn M - Giám đốc và ông Trần Văn B - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty V khai: Có ký Biên bản thoả thuận bán 80% cổ phần Công ty V và ký các hồ sơ, văn bản cho Đào Văn G đi thoả thuận trả nợ. Nhưng việc mua bán chỉ mới dừng ở việc thoả thuận, chưa thực hiện chuyển nhượng cổ phần vì G không trả được các khoản nợ của Công ty V nên G không có thẩm quyền gì với Công ty V cũng như Dự án chung cư V. Ông M, ông B không biết và không tham gia việc Đào Văn G cùng với Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền phân phối Dự án chung cư V với Công ty Đ1.

- Kết quả đối chất: Đào Văn G và Phạm Việt A cùng xác nhận các nội dung về việc: Đào Văn G giới thiệu G là chủ sở hữu của Công ty V và dự án Chung Cư V; về yêu cầu Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) ký quỹ 10.000.000.000 đồng để được độc quyền phân phối dự án chung cư V. Đối với số tiền 2.000.000.000 đồng, Phạm Việt A cho rằng đó là khoản tiền Đào Văn G cho mượn; Đào Văn G lúc đầu xác nhận việc đồng ý cho Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) chuyển sau; sau buổi đối chất G gửi văn bản đề nghị thay đổi lời khai và cho rằng không yêu cầu Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) ký quỹ, khoản tiền 8.000.000.000 đồng là Công ty TNHH A1 (tên cũ là Công ty G2) cho G vay.

- Bà Nguyễn Ngọc H3 – Đại diện Công ty H4 xác nhận: Thời điểm 19/02/2020, dự án V đang thuộc sở hữu của Công ty H4; Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) không phải là đơn vị độc quyền phân phối dự án Chung cư V; Công ty H4 không biết Đào Văn G; từ trước đến nay, Đào Văn G cũng như đại diện Công ty G1 không có ai liên hệ với Công ty H4 để trao đổi về việc thanh toán nợ của Công ty V. Hiện Công ty H4 vẫn đang giữ con dấu và các tài liệu liên quan đến Công ty V và dự án.

Tại Kết luận giám định số 1746/KLGD ngày 29/3/2022 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận: Chữ ký trên các tài liệu “Hợp đồng dịch vụ độc quyền tiếp thị và bán hàng” số 01 ngày 19/02/2020 là chữ ký của Đào Văn G.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 147/2024/HS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2024 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1/Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **Đ** (mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 07/6/2022.

2/Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; căn cứ Điều 30; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021 và căn cứ Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc Đào Văn G phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Đ1 tổng số tiền 7.340.917.778 đồng (bảy tỷ, ba trăm bốn mươi triệu, chín trăm mười bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi tám đồng). Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc Đào Văn G phải trả cho công ty Đ1 số tiền lãi là: 514.944.240 đồng (năm trăm mười bốn triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn, hai trăm bốn mươi đồng). Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 08/4/2024 bị cáo Đào Văn G kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét và xét xử lại vụ án, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

- Ngày 19/4/2024 bị hại Công ty cổ phần Đ1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt đối với bị cáo; Bị cáo và các đối tượng liên quan phải thanh toán thêm cho công ty Đ1 tổng số tiền là 32.211.225.341 đồng, đồng thời có biện pháp thu hồi nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đào Văn G giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị hại Công ty cổ phần Đ1 (có bà Trần Thị Kiều H2 là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ yêu cầu kháng cáo về việc tăng hình phạt đối với bị cáo, và xem xét lại phần trách nhiệm dân sự trong vụ án.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh là có căn cứ. Đối với kháng cáo bị hại: Với số tiền bị cáo đã chiếm đoạt thì hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử là tương xứng, nên không có căn cứ để tăng hình phạt đối với bị cáo. Về số tiền bồi thường thì bị cáo đã bồi thường khắc phục 4,1

tỷ đồng, nên số tiền bồi thường theo bản án sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, xin xem xét gia đình bị cáo có công cách mạng, bản thân bị cáo cũng có nhiều đóng góp thiện nguyện cho địa phương, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo có 4 con nhỏ, bố bị cáo bệnh rất nặng nằm một chỗ. Bị cáo phạm tội trong thời điểm dịch bệnh covid nên kinh tế khó khăn. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xin Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Đối với phần trách nhiệm dân sự thì xin Hội đồng xét xử xem xét phần tiền lãi suất trong trách nhiệm bồi thường. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo trình bày ý kiến tranh luận: Xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo giảm nhẹ hình phạt, bản thân bị cáo cũng bị thiệt hại trong vụ việc này, hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ bị cáo đã lớn tuổi, đang bị bệnh.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại trình bày ý kiến tranh luận: Bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về phần hình sự như đã trình bày.

Về dân sự: Bản án sơ thẩm chỉ tuyên buộc bị cáo G phải chịu lãi từ ngày nhận tiền đến ngày khởi tố vụ án với lãi suất 10%, trên số nợ gốc là 5,9 tỷ đồng. Theo bị hại thì cách tính lãi như vậy thì ảnh hưởng quyền lợi của bị hại vì thực tế sau khi khởi tố thì bị cáo mới trả thêm 3,9 tỷ đồng, trước đó có bị cáo chỉ trả có 600 triệu đồng, trong khi số tiền nợ gốc là 10 tỷ đồng. Theo Án lệ 06/2023/AL thì vẫn được tính lãi trong vụ án hình sự. Thực tế xét xử của Tòa án vẫn xem xét tính lãi kể từ ngày khởi tố vụ án đến khi thi hành xong. Quy định pháp luật cho phép việc tính lãi từ ngày chiếm đoạt đến ngày xét xử sơ thẩm. Về lãi suất trong quá trình thực hiện hợp đồng, thì bị cáo có đồng ý thực hiện theo lãi suất 20%/năm. Đối với số tiền đã chuyển cho các công ty khác, do vụ việc liên quan đến những đối tượng này chưa bị khởi tố nên xin Hội đồng xét xử cho công ty quyền khởi kiện vụ án dân sự. Công ty Đ1 yêu cầu Phạm Việt A phải trả 800 triệu đồng và lãi phát sinh

Về áp dụng biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử thu hồi tiền phạm tội mà bị cáo đã chuyển cho các tổ chức, cá nhân để trả lại cho công ty Đ1, và xem xét dấu hiệu rửa tiền của những đối tượng này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên sơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại làm trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận:

Công ty Cổ phần V là Chủ đầu tư của Dự án chung cư V (tên thương mại: Royal Park R, địa chỉ C đường B, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh). Sau khi Dự án được phê duyệt, Công ty V đã thi công xong phần móng và đã ký Hợp đồng bán 113 căn hộ cho các khách hàng thu được 90.000.000.000 đồng. Năm 2015, do khó khăn về tài chính nên Công ty V ngưng thi công Dự án, tính đến tháng 9/2015, Công ty V còn nợ tổng cộng 312.000.000.000 đồng (*gồm 90.000.000.000 đồng đã thu của khách hàng; 62.000.000.000 đồng tiền gốc và 84.000.000.000 đồng tiền lãi vay A2; 15.000.000.000 đồng vay Ngân hàng V3; 29.000.000.000 đồng nợ thuế chuyển mục đích sử dụng đất và 4.000.000.000 đồng thuế GTGT bán căn hộ; 28.000.000.000 đồng nợ các đơn vị thi công*). Do các chủ nợ khởi kiện Công ty V tại Tòa án nhân dân Quận 8.

Vào tháng 8/2018, ông Trần Văn B và ông Nguyễn Văn M thống nhất bán 80% cổ phần của Công ty V (*gồm 50% cổ phần của ông M và 30% của ông B*) cho Công ty H4 với giá 280.000.000.000 đồng. Việc mua bán này được thực hiện bằng hình thức cho vay nhận chuyển đổi cổ phần. Sau đó, Công ty H4 đã chi tổng cộng khoảng 304.000.000.000 đồng để trả nợ thay cho Công ty V, nhưng do một số khoản nợ chưa thống nhất giải quyết nên chưa sang tên cổ phần. Đến tháng 12/2018, Công ty H4 thông báo chấm dứt hợp đồng vay chuyển đổi cổ phần và gửi Đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Công ty V trả nợ.

Tháng 4/2019, trong quá trình chào bán dự án để trả nợ, ông B và ông M gặp Đào Văn G là Tổng Giám đốc Công ty G1. G đặt vấn đề mua 80% cổ phần của Công ty V với giá 400.000.000.000 đồng. Do Công ty V đang nợ Công ty H4 và một số chủ nợ khác, nên ông B, ông M ký với Đào Văn G “*Biên bản thỏa thuận*” số 01 ngày 26/4/2019, trong đó có những nội dung chính: Công ty G1 sẽ nhận chuyển nhượng 80% cổ phần Công ty V với giá 400.000.000.000 đồng (*gồm 50% cổ phần của ông M giá 250.000.000.000 đồng; 30% của ông B với giá 150.000.000.000 đồng*); số tiền này dùng để trả nợ cho Công ty H4 và các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính khác của Công ty V; việc mua bán cổ phần sẽ được cụ thể bằng hợp đồng chuyển nhượng giữa các bên và ngay sau khi ký hợp đồng, Công ty G1 phải chuyển cho ông M, ông B 50.000.000.000 đồng; ông M, ông B phải ủy quyền cho Công ty G1 được toàn quyền xử lý các công nợ của Công ty V nhưng không quá 400.000.000.000 đồng.

Tháng 12/2019, Đào Văn G gặp Phạm Việt A, thành viên góp vốn của Công ty Trách nhiệm hữu hạn A1 (tên cũ là Công ty Trách nhiệm hữu hạn G2 M&A). G giới thiệu mình là Tổng Giám đốc, đang sở hữu 80% cổ phần Công ty V và được toàn quyền quyết định đối với Dự án chung cư V, rồi G mời Phạm Việt A làm việc cho G để phát triển Dự án chung cư V và ký Quyết định bổ nhiệm Phạm Việt A - Phó Tổng Giám đốc Công ty V.

Thông qua Phạm Việt A, Đào Văn G đến gặp Đỗ Thành L1, Giám đốc và ông Bùi Minh T, thành viên góp vốn của Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2). G đề nghị Công ty A1 hợp tác để phân phối, phát triển Dự án chung cư V. Ngày 13/01/2020, Đỗ Thành L1 với Đào Văn G ký hợp đồng độc quyền môi giới bất động sản số 01/HĐĐQMG/VHP-M&A giữa Công ty V và Công ty G2 về việc Công ty V giao cho Công ty A1 được độc quyền dịch vụ môi giới, phát triển Dự án chung cư V.

Do Công ty A1 chưa huy động được tiền để ký quỹ và không đủ khả năng để phân phối căn hộ nên ông L1 cùng các cổ đông Công ty thống nhất tìm đối tác để nhượng lại quyền phân phối dự án. Ngày 19/02/2020, tại trụ sở Công ty Đ1, bà Nguyễn Vũ Thiên D2 đại diện Công ty Đ1 và ông Đỗ Thành L1 đại diện Công ty A1 ký Hợp đồng thuê đơn vị độc quyền môi giới bất động sản dự án chung cư V số 02/HĐĐQMG/GOLDEN M&A-THIEN MINH. Tại buổi lễ ký kết hợp đồng này có Đào Văn G tham dự chứng kiến với tư cách Tổng Giám đốc Công ty V.

Sau khi ký Hợp đồng thuê đơn vị độc quyền môi giới bất động sản dự án chung cư V số 02/HĐĐQMG/GOLDEN M&A-THIEN MINH ngày 19/02/2020, cùng ngày 19/02/2020, Công ty Đ1 đã chuyển khoản 10.000.000.000 đồng vào tài khoản số 35635688888 của Công ty A1 mở tại Ngân hàng A3 Chi nhánh P1. Ngày 20/02/2020, theo yêu cầu của Đào Văn G, Công ty A1 đã chuyển khoản 8.000.000.000 đồng sang tài khoản số 060233956999 của Công ty Đ2, mở tại Ngân hàng S1. Cũng theo yêu cầu của G, Đào Văn T2 rút tiền mặt tổng cộng 5.500.000.000 đồng đưa cho G, chuyển khoản 1.000.000.000 đồng cho ông Trần Tiến S, chuyển 500.000.000 đồng cho Công ty B1 và chuyển 1.000.000.000 đồng cho Công ty Â2. Sau khi chuyển 8.000.000.000 đồng cho Công ty Đ2, Công ty A1 vẫn còn giữ lại 2.000.000.000 đồng.

Sau ngày 20/4/2020, do không mở bán dự án như quy định tại Hợp đồng thuê đơn vị độc quyền môi giới bất động sản dự án chung cư V số 02/HĐĐQMG/GOLDEN M&A-THIEN MINH ngày 19/02/2020, nên Đào Văn G cùng với ông Đỗ Thành L1 và Phạm Việt A ký “Biên bản cuộc họp” ngày 10/9/2020 với Công ty Đ1 cam kết sẽ hoàn trả cho Công ty Đ1 tổng cộng 12.240.000.000 đồng (trong đó bao gồm: Tiền ký quỹ là 10.000.000.000 đồng, tạm ứng chi phí pháp lý là 800.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh là 740.227.778 đồng, chi phí sản xuất áo thun dự án là 30.690.000 đồng, chi phí sản xuất phối cảnh là 660.000.000 đồng và chi phí tổ chức sự kiện là 10.000.000 đồng) nhưng không hoàn trả, vì vậy đến ngày 16/12/2020 Công ty Đ1 gửi Đơn tố cáo Đào

Văn G, Phạm Việt A (Phó Tổng giám đốc Công ty V), Đỗ Thành L1 (Giám đốc Công ty A1) và Bùi Minh T (Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty A1).

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Đào Văn G phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo về phần hình phạt đối với bị cáo:

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện bị cáo đã thực hiện một chuỗi hành vi gian dối, thông qua nhiều khâu để bị hại tin tưởng và chuyển tiền. Sau khi có tiền bị cáo G rút tiền mặt, chuyển tiền cho công ty, cá nhân khác. Hành vi phạm tội của bị cáo Đào Văn G là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội nên cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm mới bảo đảm tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định đánh giá, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Người bào chữa cho bị cáo cung cấp Biên lai thu số 0041115 ngày 29/8/2024 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bị cáo đã nộp thêm 100.000.000 đồng sau khi xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, có thái độ quanh co nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội, nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, mặc dù số tiền bị cáo nộp thêm để khắc phục hậu quả sau khi xét xử sơ thẩm là hạn chế (so với phần trách nhiệm dân sự của bị cáo), nhưng việc này thể hiện thái độ ăn năn hối cải, ý chí khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại của bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ một phần hình phạt tù, qua đó cũng thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

[3] Xét kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự:

Theo nội dung đơn kháng cáo, bị hại yêu cầu bị cáo và các đối tượng liên quan phải thanh toán cho bị hại số tiền 32.211.225.341 đồng gồm tiền lãi chậm trả, số tiền bị hại đã chi phí nhân sự để thực hiện dự án, tiền phạt vi phạm Hợp đồng số 02, số tiền bị hại tạm ứng chi phí pháp lý trong quá trình thực hiện dự án và biện pháp bảo đảm thu hồi nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Ngày 19/02/2020 Công ty Đ1 chuyển khoản 10.000.000.000 đồng tiền đặt cọc cho công ty A1, sau đó, Công ty A1 đã chuyển khoản cho 8.000.000.000 đồng cho Đào Văn G thông qua Công ty Đ2, Đào Văn G đồng ý cho Công ty A1 giữ lại 2.000.000.000 đồng, nên bị cáo Đào Văn G phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty Đ1 số tiền gốc 10.000.000.000 đồng. Do bị cáo G và gia đình bị cáo G đã bồi thường cho Công ty Đ1 tổng số tiền 4.100.000.000 đồng nên bị cáo G phải bồi thường số tiền gốc còn lại là 5.900.000.000 đồng.

Sau ngày 20/4/2020, do không mở bán dự án như quy định nên vào ngày 10/9/2020, Đào Văn G cùng với ông Đỗ Thành L1 và ông Phạm Việt A ký “Biên bản cuộc họp” với Công ty Đ1 cam kết sẽ hoàn trả cho Công ty Đ1 tổng cộng 12.240.919.778 đồng (trong đó bao gồm: Tiền đặt cọc là 10.000.000.000 đồng, tạm ứng chi phí pháp lý là 800.000.000 đồng, chi phí sản xuất áo thun dự án là 30.690.000 đồng, chi phí sản xuất phối cảnh là 660.000.000 đồng, chi phí tổ chức sự kiện là 10.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền đặt cọc phát sinh từ ngày 19/02/2020 đến ngày 10/9/2020 là 740.227.778 đồng) nhưng không thực hiện. Do vậy, tại thời điểm ngày 10/9/2020, Công ty Đ1 đã thực tế chi phí các khoản như sau: Chi phí pháp lý là 800.000.000 đồng, chi phí sản xuất áo thun dự án là 30.690.000 đồng, chi phí sản xuất phối cảnh là 660.000.000 đồng, chi phí tổ chức sự kiện là 10.000.000 đồng, khoản tiền lãi và tính đến ngày 10/9/2020 là 740.227.778 đồng.

Qua điều tra đã xác định bị cáo G đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của Công ty Đ1 nên buộc bị cáo G phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty Đ1 tổng số tiền đã mà Công ty Đ1 đã chi là 700.690.000 đồng (trong đó chi phí sản xuất áo thun dự án là 30.690.000 đồng, tiền chi phí sản xuất phối cảnh là 660.000.000 đồng, tiền chi phí tổ chức sự kiện là 10.000.000 đồng) và bị cáo G còn phải trả cho Công ty Đ1 số tiền lãi tính đến ngày 10/9/2020 là 740.227.778 đồng. Tổng cộng các khoản này là 1.440.917.778 đồng (700.690.000 đồng + 740.227.778 đồng = 1.440.917.778 đồng).

Ngày 10/9/2020, Đào Văn G có ký cam kết hoàn trả cho Công ty Đ1 khoản tiền lãi nhưng không thể hiện rõ lãi suất. Căn cứ quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì lãi suất được xác định là 10%/năm và được tính từ ngày 10/9/2020 đến ngày khởi tố vụ án (ngày 21/6/2021). Số tiền gốc còn lại là 5.900.000.000 đồng và số tiền mà Công ty Đ1 đã chi phí là 700.690.000 đồng, nên tổng cộng cả hai khoản này là 6.600.690.000 đồng. Do đó, số tiền lãi cụ thể là: 6.600.690.000 đồng x 10% năm x 09 tháng 11 ngày = 514.944.240 đồng.

Mặc dù giữa Công ty Đ1 với Công ty A1 (tên cũ là Công ty G2) có ký Hợp đồng thuê đơn vị độc quyền môi giới bất động sản dự án chung cư V số 02/HĐĐQM/GOLDEN M&A-THIEN MINH ngày 19/02/2020 và trong hợp đồng này có quy định việc phạt cọc, nhưng hợp đồng này trái pháp luật và nằm

trong chuỗi hành vi lừa dối của bị cáo nên không có căn cứ để phạt cọc như yêu cầu của Công ty Đ1.

[3.2] Đối với Phạm Việt A đã có hành vi nhận 800.000.000 đồng của Công ty Đ1, đây là khoản tiền liên quan đến Dự án chung cư V, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H đã tách thành nguồn tin về tội phạm để tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của Việt A. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H quan tâm, tiếp tục điều tra và xử lý hình sự đối với Phạm Việt A theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự số đối với tiền 800.000.000 đồng mà Việt A đã nhận sẽ được xem xét giải quyết cùng với việc xử lý hành vi liên quan của Phạm Việt A.

[3.3] Đối với kháng cáo về biện pháp bảo đảm thu hồi nợ:

- Quá trình giải quyết vụ án đã xác định bị cáo G phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ tiền gốc cho công ty Đ1, do đó nghĩa vụ hoàn lại số tiền 2.000.000.000 đồng mà công ty A1 đang giữ không xem xét trong vụ án này. Tuy vậy, liên quan đến dự án chung cư V, Công ty A1 ký hợp đồng với Công ty V, mặc dù theo yêu cầu của Đào Văn G về việc chuyển 8.000.000.000 tiền ký quỹ vào tài khoản Công ty Đ2 nhưng hành vi chuyển tiền ký quỹ vào tài khoản công ty khác không liên quan là sai phạm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H làm rõ hành vi chuyển tiền vào tài khoản của công ty khác không liên quan và hành vi chiếm giữ 2.000.000.000 đồng đối với các cá nhân liên quan Công ty ALT Homes, gồm: Phạm Việt A, Đỗ Thành L1 – Tổng giám đốc, Bùi Minh T – Chủ tịch Hội đồng thành viên, Phạm Duy L2 – Phó giám đốc trong Công ty A1. Nếu qua điều tra mà có căn cứ thì đề nghị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

- Đối với các khoản tiền mà Đào Văn G đã chỉ đạo Đào Văn T2 chuyển khoản cho ông Trần Tiến S, Công ty Cổ phần B1, Công ty Cổ phần A2: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo G không yêu cầu bên nhận tiền trả lại nên Tòa án không xem xét việc truy nguyên để thu hồi tiền. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã buộc bị cáo G phải bồi thường toàn bộ số tiền cho bị hại như đã nêu ở trên. Do đó nếu giữa Đào Văn G với bên đã nhận tiền có phát sinh tranh chấp về khoản tiền này, thì các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án khác để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại; Sửa một phần bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

[5] Các nội dung và quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí phúc thẩm:

- Bị cáo Đào Văn G không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;
- Bị hại Công ty Cổ phần Đ1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Đào Văn G;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thiên Minh

Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 147/2024/HS-ST ngày 05/4/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt đối với bị cáo;

1/Tuyên bố bị cáo Đào Văn G phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Đào Văn G 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/6/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

2/Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 30, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021 và Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc Đào Văn G phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Đ1 tổng số tiền 7.340.917.778 đồng (bảy tỷ, ba trăm bốn mươi triệu, chín trăm mười bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi tám đồng). Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc Đào Văn G phải trả cho công ty Đ1 số tiền lãi là: 514.944.240 đồng (năm trăm mười bốn triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn, hai trăm bốn mươi đồng). Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) mà bị cáo Đào Văn G (do bà Nguyễn Thị Bạch T4 nộp thay) đã nộp theo Biên lai thu số 0041115 ngày 29/8/2024 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh sẽ được xem xét, khấu trừ vào phần trách nhiệm dân sự của bị cáo trong giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành án chưa thực hiện nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền, và thời gian chậm thi hành án.

3/Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Đào Văn G không phải chịu;

- Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần Đ1 phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0032947 ngày 02/5/2024 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5/Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- Sở tư pháp TP.HCM;
- Trại tạm giam CA TP.HCM;
- (Tổng đạt cho bị cáo (1));
- BH (1);
- NLQ (5);
- Lưu (10) 26b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Cầu

